CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT ĐĂNG ANH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT ĐĂNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DANG ANH CONSTRUCTION AND FURNITURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DANG ANH CAF.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109389779

3. Ngày thành lập: 23/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11 ngõ 88 La Nội, tổ dân phố Hòa Bình, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác khí đốt tự nhiên	*0620*
2.	Khai thác quặng sắt	*0710*
3.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	*0722*
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
5.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	*0891*
6.	Khai thác và thu gom than bùn	*0892*
7.	Khai thác muối	*0893*
8.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	*0899*
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	*0910*
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	*0990*
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
12.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
13.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
14.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
15.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
16.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*

17.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
18.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
19.	Sản xuất đường	*1072*
20.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	*1073*
21.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
22.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
23.	Sản xuất chè	*1076*
24.	Sản xuất cà phê	*1077*
25.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Sản xuất súp và nước xuýt; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	*1079*
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
27.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	*1101*
28.	Sản xuất rượu vang	*1102*
29.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
30.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
31.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	*1200*
32.	Sản xuất sợi	*1311*
33.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
34.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
35.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1391*
36.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
37.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*

38.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*
39.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tỉa trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí, - Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa, - Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa, - Sản xuất vải bố làm lốp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho hoạ sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng..., - Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông, - Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), - Sản xuất vải lót máy móc, - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, - Sản xuất dây giày, - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay, - May bao đựng gạo, vắt sổ quần áo.	*1399*
40.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
41.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
42.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
43.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	*1511*
44.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
45.	Sản xuất giày, dép	*1520*
46.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
47.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
51.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
52.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*

53.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: + Giấy ăn, giấy lau chùi, + Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy. - Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nến và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải;	*1709*
54.	In ấn	*1811*
55.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
56.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
57.	Sản xuất than cốc	*1910*
58.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	*1920*
59.	Sản xuất hoá chất cơ bản	*2011*
60.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	*2012*
61.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
62.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	*2021*
63.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
64.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
65.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	*2029*
66.	Sản xuất sợi nhân tạo	*2030*

67.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	*2100*
68.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
69.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
70.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
71.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	*2310*
72.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
73.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
74.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: Sản xuất đồ nội thất bằng gốm	*2393*
75.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
76.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
77.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
78.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphát và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính atphát, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	*2399*
79.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
80.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	*2420*
81.	Đúc sắt, thép	*2431*
82.	Đúc kim loại màu	*2432*
83.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
84.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
85.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	*2513*
86.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
87.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
88.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*

89.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn trôn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	*2599*
90.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
91.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
92.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
93.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
94.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
95.	Sản xuất đồng hồ	*2652*
96.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	*2660*
97.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*

98.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	*2680*
99.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
100.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
101.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
102.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
103.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
104.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
105.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
106.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
107.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
108.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	*2812*
109.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	*2813*
110.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*
111.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
112.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*
113.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
114.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
115.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
116.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
117.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
118.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*
119.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
120.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
121.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
122.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	*2829*
123.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	*2910*
124.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	*2920*
125.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	*2930*
126.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
127.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*

128.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Sản xuất xe kéo bằng động vật: Xe lừa kéo, xe trâu bò kéo...; - Xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị và các loại tương tự.	*3099*
129.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
130.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	*3211*
131.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	*3212*
132.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
133.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
134.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
135.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*

136.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt; - Sản xuất tẩu hút xì gà; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sảy, manơ canh... - Hoạt động nhồi bông thú,	*3290*
137.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
138.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
139.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
140.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
141.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
142.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
143.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
144.	Xây dựng nhà để ở	*4101(Chính)*

145.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
146.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
147.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
148.	Xây dựng công trình điện	*4221*
149.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
150.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
151.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
152.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
153.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
154.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
155.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
156.	Phá dỡ	*4311*
157.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
158.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
159.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
160.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
161.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
162.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
163.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
164.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại	*4759*

165.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình (trừ bán lẻ đồ cổ)	*4784*
166.	Vận tải hành khách đường sắt	*4911*
167.	Vận tải hàng hóa đường sắt	*4912*
168.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
169.	Vận tải hành khách đường bộ khác	*4932*
170.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
171.	Vận tải đường ống	*4940*
172.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (trừ vận tải viễn dương)	*5011*
173.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ vận tải viễn dương)	*5012*
174.	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	*5021*
175.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
176.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
177.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	*5221*
178.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	*5222*
179.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
180.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5225*
181.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Nhóm này gồm: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. (trừ vận tải hàng không)	*5229*
182.	Bưu chính	*5310*
183.	Chuyển phát	*5320*
184.	Xuất bản phần mềm	*5820*

185.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	*5911*
186.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác	*6120*
187.	Lập trình máy vi tính	*6201*
188.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
189.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
190.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
191.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	*6312*
192.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Nhóm này bao gồm: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (trừ hoạt động báo chí)	*6399*
193.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (trừ đấu giá)	*6820*
194.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giầy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	*7410*
195.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp cho cơ sở vật chất của khách hàng như làm sạch nội thất, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Những hoạt động này không liên quan hoặc không chịu trách nhiệm đến công việc hoặc hoạt động chính của khách hàng.	*8110*
196.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
197.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*

198.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
199.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
200.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
201.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
202.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	*9610*
203.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
204.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	*9631*
205.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	*9632*
206.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	*9633*
207.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Dịch vụ đánh giày, khuân vác, giúp việc gia đình; - Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh; - Các hoạt động nhượng quyền sử dụng máy hoạt động bằng đồng xu như: Máy cân, máy kiểm tra huyết áp...	*9639*
208.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	*9700*
209.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	*9810*
210.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	*9820*
211.	Trồng lúa	*0111*
212.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	*0112*
213.	Trồng cây lấy củ có chất bột	*0113*
214.	Trồng cây mía	*0114*
215.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	*0115*
216.	Trồng cây lấy sợi	*0116*
217.	Trồng cây có hạt chứa dầu	*0117*
218.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	*0118*
219.	Trồng cây hàng năm khác	*0119*
220.	Trồng cây ăn quả	*0121*
221.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	*0122*
222.	Trồng cây điều	*0123*
223.	Trồng cây hồ tiêu	*0124*
224.	Trồng cây cao su	*0125*
225.	Trồng cây cà phê	*0126*
226.	Trồng cây chè	*0127*
227.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	*0128*
228.	Trồng cây lâu năm khác	*0129*

229.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	*0131*
230.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	*0132*
231.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	*0141*
232.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	*0142*
233.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	*0144*
234.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	*0145*
235.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
236.	Chăn nuôi khác	*0149*
237.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	*0150*
238.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	*0161*
239.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	*0162*
240.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	*0163*
241.	Xử lý hạt giống để nhân giống	*0164*
242.	Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan	*0170*
243.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	*0210*
244.	Khai thác gỗ	*0220*
245.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0231*
246.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	*0232*
247.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
248.	Khai thác thuỷ sản biển	*0311*
249.	Khai thác thuỷ sản nội địa	*0312*
250.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
251.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
252.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
253.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
254.	Khai thác dầu thô	*0610*

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN BÁ THUẬN	Số 38 Đường Trinh Lương, Tổ dân phố số 5, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	675.000	6.750.000.000	75,000	040088000960	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	675.000	6.750.000.000	75,000		
2	HÀ DANH CƯỜNG	Làng Danh, Xã Lăng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	186478162	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		

3	ĐẶNG THỊ HÒE	Xóm Đồng Bàn, Xã Lăng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	15,000	186979531	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN BÁ THUẬN Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/10/1988* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *040088000960*

Ngày cấp: *03/08/2020* Nơi cấp: *Cục CS QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 38 Đường Trinh Lương, Tổ dân phố số 5, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 39, tổ 1, Đường tiếp giáp dịch vụ 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội